

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

Các dữ liệu vĩ mô khả quan của quý 3 tiếp tục hỗ trợ chỉ số VNIndex tăng điểm

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

HĐTL diễn biến tích cực trong bối cảnh TTCK toàn cầu phục hồi tích cực sau khi sức khỏe của tổng thống Mỹ có tiến triển tốt

[Tâm điểm cổ phiếu trong ngày]

GEX, CTG

[Quan điểm đầu tư]

Tiếp tục nắm giữ vị thế và đóng từng phần khi chỉ số tiến tới vùng đích kỳ vọng.

05/10/2020

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	914.68	+0.52
VN30	867.70	+0.72
HĐTL VN30F1M	868.80	+0.85
HNXIndex	137.19	+1.69
HNX30	256.59	+2.02
UPCoM	62.81	+0.74
USD/VND	23,197	+0.07
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.48	+4
Lãi suất qua đêm (%)	0.14	+4
Dầu (WTI, \$)	38.33	+3.45
Vàng (LME, \$)	1,901.12	+0.07



Điểm nhấn thị trường

VNIndex 914.68 (+0.52%)
KLGD (triệu CP) 420.8 (-13.6%)
GTGD (triệu US\$) 314.8 (-15.1%)

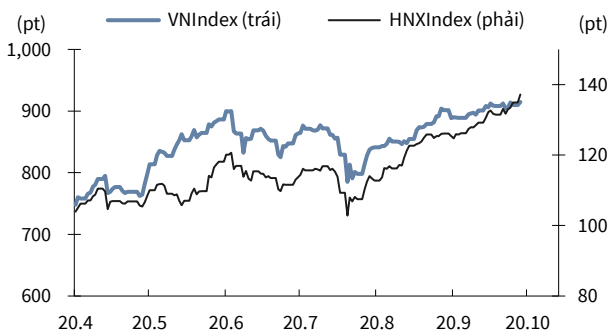
HNXIndex 137.19 (+1.69%)
KLGD (triệu CP) 79.3 (-9.8%)
GTGD (triệu US\$) 40.2 (-27.0%)

UPCoM 62.81 (+0.74%)
KLGD (triệu CP) 25.2 (-58.5%)
GTGD (triệu US\$) 14.2 (-44.6%)

NĐTNN mua ròng (triệu US\$) -7.8

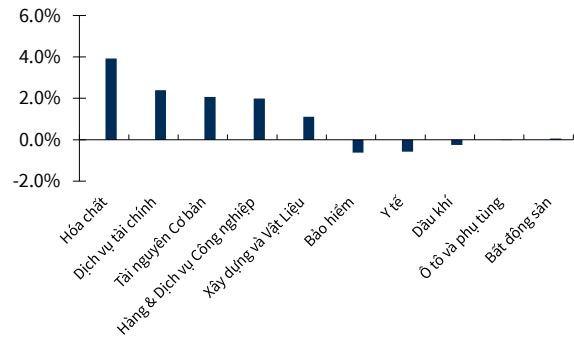
Các dữ liệu vĩ mô khả quan của quý 3 tiếp tục hỗ trợ chỉ số VNIndex tăng điểm trong phiên hôm nay, trong bối cảnh thị trường chứng khoán toàn cầu phản ứng tích cực trước các cập nhật liên quan đến sức khỏe Tổng thống Mỹ. Thông điệp từ Thủ tướng Chính phủ về việc phấn đấu tăng trưởng GDP Việt Nam 2020 ở mức 2.5%-3% giúp cổ phiếu ngân hàng đồng loạt tăng giá ở CTG (+2%), ACB (+2.6%). Thông tin mặt bằng xây dựng sân bay Long Thành sẽ được bàn giao và sẵn sàng khởi công vào 20/10 giúp cổ phiếu các doanh nghiệp liên quan tăng giá như ngành hàng không với ACV (+0.2%), nguyên vật liệu với HPG (+2.4%), NKG (+0.2%), hạ tầng với HBC (+4.1%), FCN (+2.1%). Tin từ Bộ Kế hoạch và Đầu tư cho biết hiện có 126 nhà đầu tư, tập đoàn lớn đang có nhu cầu đầu tư vào Việt Nam, mong muốn đầu tư các dự án quy mô lớn, các dự án thân thiện với môi trường, có tác động lan tỏa,... giúp cổ phiếu khu công nghiệp tăng giá ở KBC (+1.8%), LHG (+4.8%). Nhà đầu tư nước ngoài tiếp tục có phiên bán ròng, tập trung ở VNM (-0.7%), DIG (+6.7%), SBT (0%).

VNIndex & HNXIndex



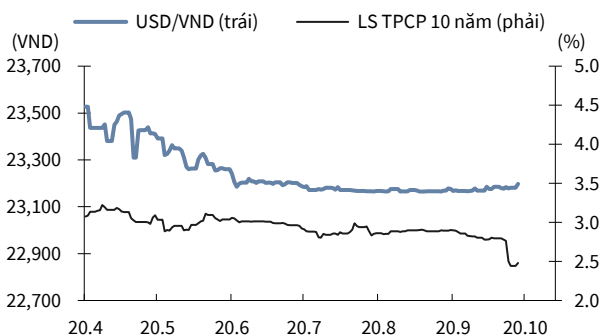
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



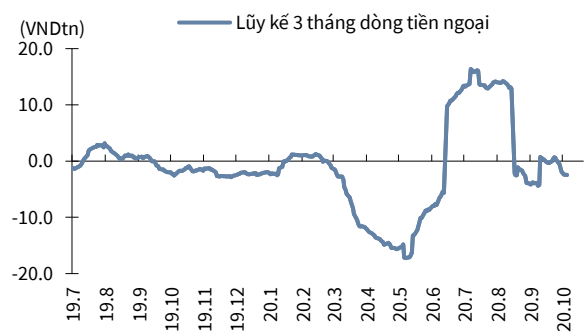
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

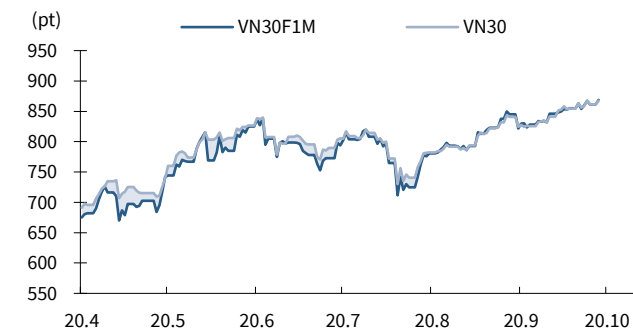
Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

VN30	867.70 (+0.72%)
VN30F1M	868.8 (+0.85%)
Mở cửa	866.8
Cao nhất	869.8
Thấp nhất	864.0

HĐTL diễn biến tích cực trong bối cảnh TTCK toàn cầu phục hồi tích cực sau khi sức khỏe của tổng thống Mỹ có tiến triển tốt. Chênh lệch F2010 và VN30 mở cửa ở 4.99, trước khi giao động trong biên độ hẹp -1.3 và 0.4 và đóng cửa ở mức 1.1. Thanh khoản thị trường suy giảm và NĐTNN mua ròng mạnh trong phiên hôm nay

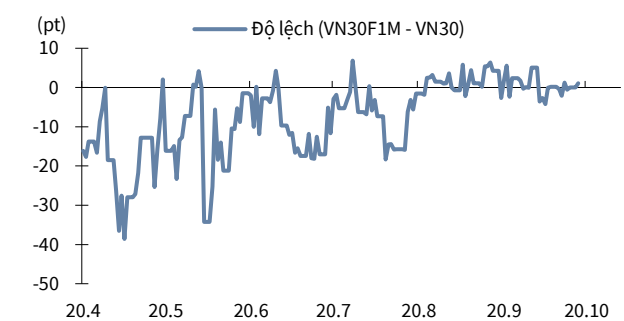
KLGD (HĐ)	90,434 (-31.9%)
------------------	------------------------

HĐTL VN30F1M & VN30



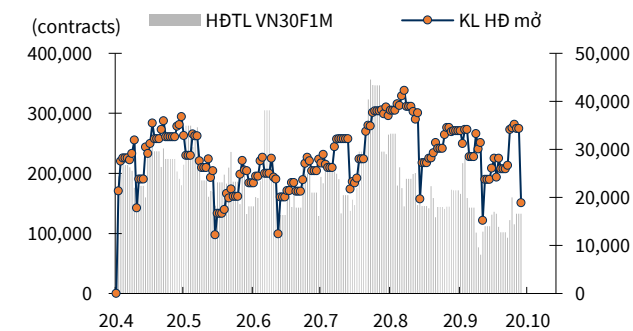
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



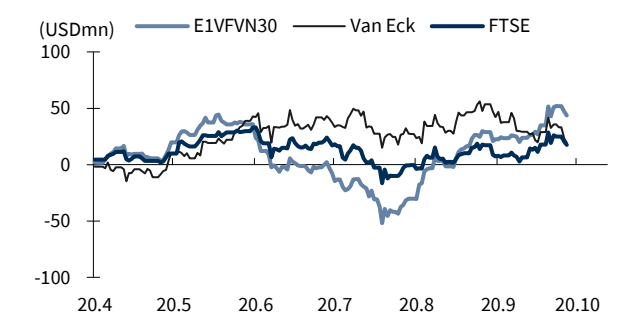
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

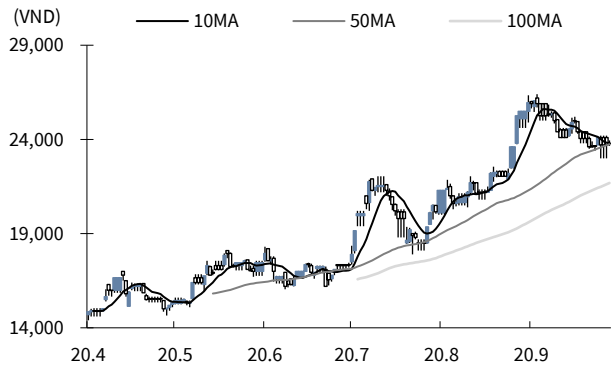
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Tâm điểm cổ phiếu trong ngày

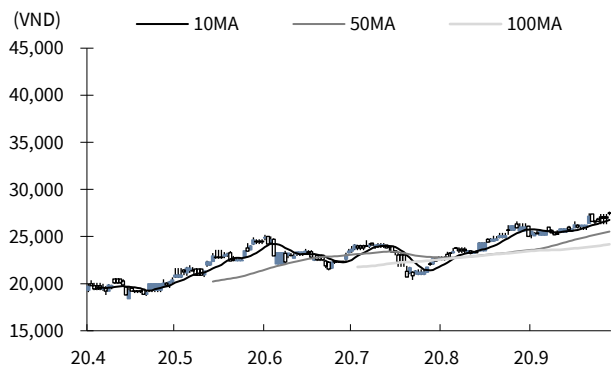
GELEX (GEX)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- GEX tăng 0.4% lên 23,800 VND/cp.
- GEX đã chính thức chào mua thành công 94,610,460 cổ phiếu Viglacera (VGC), nâng tổng tỷ lệ sở hữu tại VGC từ 24.96% lên 46.15%. Để sở hữu chi phối 51% theo mục tiêu đặt ra tại ĐHĐCĐ thường niên 2020, GEX cần phải mua thêm 4.85%, nhưng việc mua lại này không cần phải thực hiện chào mua công khai do tỷ lệ mua thêm dưới 5%, theo Luật Chứng khoán sửa đổi.
- Với giá chào mua công khai là 23,500 đồng/cp, tổng số tiền mà GELEX chi ra trong đợt chào mua này là hơn 2,223 tỷ đồng.

Vietinbank (CTG)



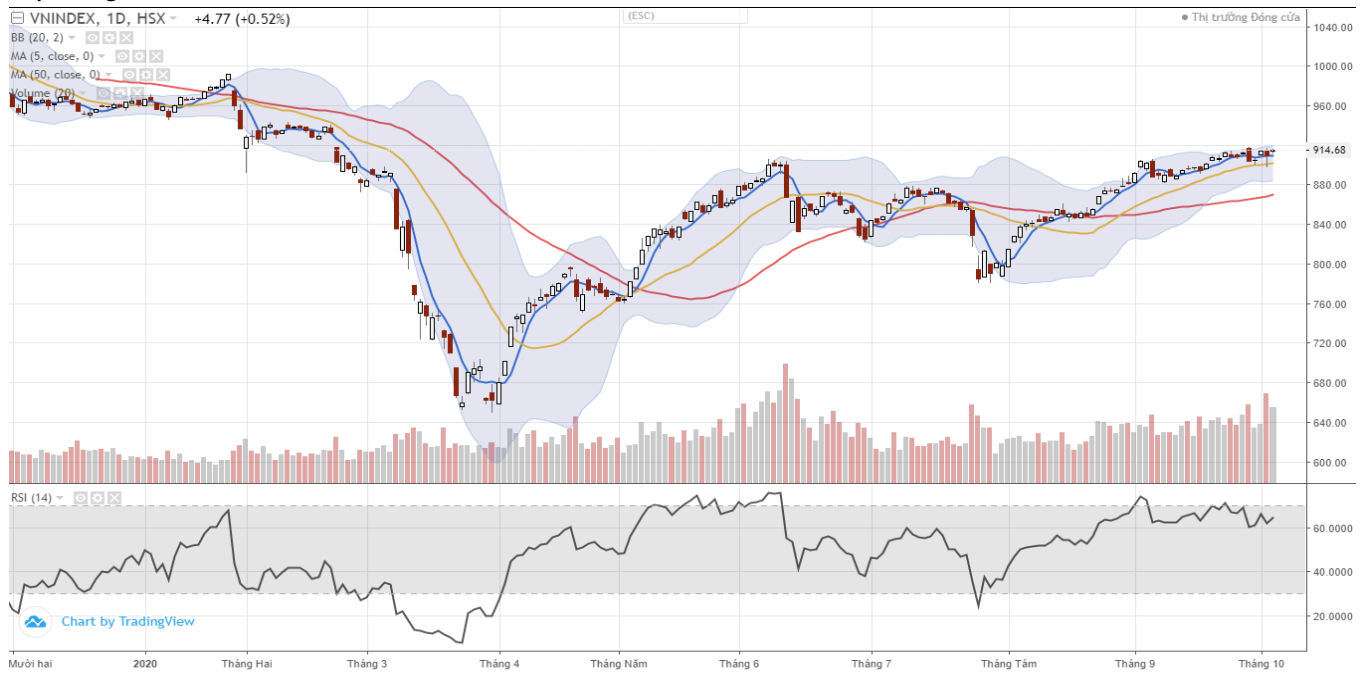
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- CTG tăng 2% lên 27,500 VND/cp.
- CTG công bố đã chào bán thành công 2,459 tỷ đồng trái phiếu trong đợt chào bán thứ 2 của năm 2020. Các trái phiếu này có 2 loại kỳ hạn là 8 năm và 10 năm, lãi suất cao hơn lãi suất tham chiếu lần lượt 0.9%/năm và 1%/năm. Trong đó lãi suất tham chiếu là bình quân lãi suất tiết kiệm cá nhân bằng đồng Việt Nam, trả sau, kỳ hạn 12 tháng của 4 ngân hàng quốc doanh.
- Các trái phiếu này là loại không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, có có bảo đảm bằng tài sản, được phát hành và thanh toán bằng VND, xác lập nghĩa vụ trả nợ trực tiếp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của CTG.

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

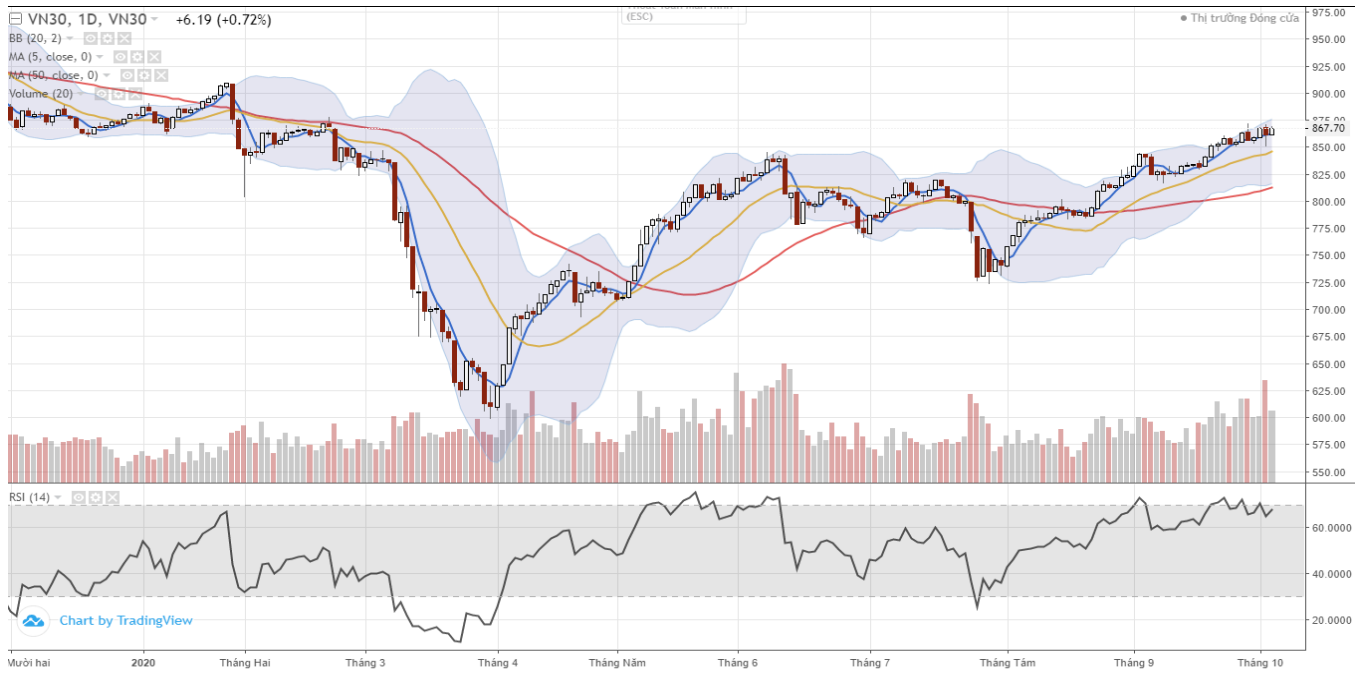
Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNIndex tăng nhẹ trong phiên hôm nay với lực cầu bắt đáy gia tăng vào cuối phiên.
- Với việc sớm hồi phục và bù đắp lại hết nhịp giảm tiêu cực của phiên trước, chúng tôi tiếp tục nghiêng về kịch bản mở rộng đà phục hồi hướng lên vùng kháng cự kế tiếp tại 93x.
- NĐT được khuyến nghị tiếp tục nắm giữ vị thế và đóng từng phần khi chỉ số tiến tới vùng đích kì vọng.

Chỉ số VN30



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Hợp đồng tương lai - VN30F1M



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VN30 và F1 diễn biến tăng điểm với lực cầu bắt đáy gia tăng vào cuối phiên.
- Với diễn biến tích cực trong phiên, chúng tôi tiếp tục nghiêng về kịch bản mở rộng thêm nhịp phục hồi với vùng đích kì vọng 88x.
- NĐT được khuyến nghị ưu tiên mở vị thế LONG ở những vùng hỗ trợ trong phiên.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

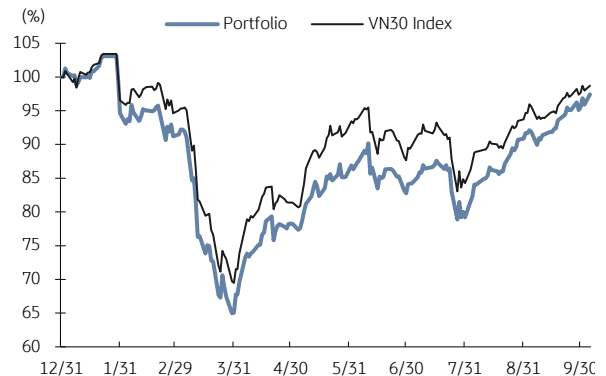
Khởi phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng chốt lời tại +30% và cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	0.72%	1.58%
Tăng lũy kế (YTD)	-1.29%	-2.56%

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 05/10/2020	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	104,000	0.0%	-10.3%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Nam Long Invest (NLG)	03/06/2019	26,500	1.9%	8.4%	- NLG dẫn đầu trong phát triển nhà ở phân khúc trung cấp và vừa túi tiền - Tình tài chính lành mạnh với tỷ lệ nợ vay thấp
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	61,200	0.3%	-20.2%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Military Bank (MBB)	18/12/2018	17,700	2.5%	3.2%	- NFI tăng trưởng mạnh mẽ từ dịch vụ bảo hiểm (thông qua MIC) - Tỷ lệ CASA cao và việc gia tăng cho vay bán lẻ cải thiện NIM - Mcredit vẫn đang được đặt nhiều kỳ vọng với lợi thế huy động vốn
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	41,950	4.5%	23.4%	- Mạng cho thuê văn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	50,500	0.4%	50.8%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mạng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	31/01/2020	27,500	2.0%	12.7%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
Vietjet (VJC)	05/02/2019	104,800	-0.1%	-18.9%	- Giá cổ phiếu sụt giảm mạnh do tác động ngắn hạn của dịch Corona - Hưởng lợi từ diễn biến sụt giảm sâu của giá dầu - Triển vọng dài hạn khả quan, kỳ vọng việc dự án Long Thành được đẩy nhanh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	27,350	2.4%	40.0%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbaco City Development (KBC)	09/03/2020	14,350	1.8%	4.7%	- Giá bán khu đô thị Trảng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
FUEVFNVD	1.1%	99.6%	45.9
HPG	2.4%	34.0%	36.0
HSG	0.0%	10.1%	17.7
DCM	3.4%	2.1%	14.6
STB	1.9%	9.1%	14.2

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
VNM	-0.7%	58.3%	-81.8
SBT	0.0%	5.6%	-41.5
DIG	6.7%	34.0%	-41.4
CTG	2.0%	30.0%	-31.6
BID	-0.6%	17.5%	-26.3

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
NTP	0.6%	19.0%	5.9
TIG	2.9%	15.3%	0.6
VCG	0.5%	0.3%	0.6
NVB	0.0%	4.5%	0.6
SD9	2.8%	7.1%	0.4

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
VCS	3.0%	2.9%	-3.1
HCC	3.7%	12.9%	-1.0
LAS	3.3%	0.7%	-0.6
PSD	0.0%	0.7%	-0.6
PVS	4.4%	10.0%	-0.4

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Dịch vụ tài chính	6.4%	SSI, VCI
Hóa chất	4.3%	GVR, DCM
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	3.6%	LGC, ASG
Ô tô và phụ tùng	2.7%	DRC, CSM
Tài nguyên Cơ bản	2.6%	HPG, KSB

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Bảo hiểm	-2.9%	BVH, BIC
Dầu khí	-1.6%	PLX, PVD
Công nghệ thông tin	-1.3%	FPT, CMG
Truyền thông	-1.2%	PNC, AAA
Ngân hàng	-1.0%	VCB, BID

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Bán lẻ	13.2%	MWG, DGW
Dịch vụ tài chính	13.2%	SSI, HCM
Tài nguyên Cơ bản	11.8%	HPG, HSG
Hóa chất	11.0%	GVR, DCM
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	7.5%	LGC, REE

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Truyền thông	-4.1%	PNC, AAA
Bảo hiểm	-0.9%	BVH, BIC
Dầu khí	-0.7%	PLX, PVD
Bất động sản	0.3%	VHM, BCM
Du lịch và Giải trí	0.4%	VJC, SCS

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNDtỷ, USDmn)	GTGD (VNDtriệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	93,300	315,581 (13,604)	45,276 (2.0)	22.9	50.9	37.4	21.9	6.6	8.7	3.6	3.3	-0.7	0.5	-0.7	-18.9
	VHM	VINHOMES JSC	76,000	250,003 (10,777)	153,264 (6.6)	27.0	9.3	8.1	35.0	38.5	30.8	2.9	2.2	0.1	-0.8	-5.0	-10.4
	VRE	VINCOM RETAIL JS	27,400	62,262 (2,684)	74,275 (3.2)	18.3	24.5	18.1	2.8	9.1	11.7	2.2	2.0	0.4	-1.4	-3.9	-19.4
	NVL	NO VA LAND INVES	63,300	62,386 (2,689)	85,939 (3.7)	32.6	16.9	17.5	1.9	14.1	11.9	2.4	-	-0.3	-0.2	0.8	6.4
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	24,700	13,803 (595)	13,295 (0.6)	7.4	12.7	10.5	14.7	14.1	15.8	1.7	1.5	1.9	2.1	-1.0	-3.6
	DXG	DAT XANH GROUP	10,950	5,675 (245)	41,505 (1.8)	14.6	8.0	5.4	-29.0	7.4	14.0	0.7	0.6	6.3	5.3	9.5	-24.5
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	83,500	309,691 (13,350)	91,941 (4.0)	6.5	18.5	15.5	11.6	19.7	19.1	3.1	2.6	-0.6	-2.9	-1.6	-7.4
	BID	BANK FOR INVESTM	40,400	162,490 (7,005)	53,458 (2.3)	12.5	34.6	20.0	-10.3	9.1	12.3	2.2	2.0	-0.6	-2.2	-4.0	-12.5
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	22,550	78,928 (3,403)	66,313 (2.9)	0.0	7.8	6.6	3.9	15.6	15.5	1.1	0.9	0.0	-1.3	3.2	-4.2
	CTG	VIETNAM JS COMM	27,500	102,394 (4,414)	136,526 (5.9)	0.0	14.8	12.1	18.7	10.2	11.4	1.3	1.2	2.0	1.3	5.8	31.6
	VPB	VIETNAM PROSPERI	24,200	58,994 (2,543)	115,885 (5.0)	0.0	7.2	6.3	5.4	17.7	16.6	1.2	1.0	2.3	1.7	3.2	21.0
	MBB	MILITARY COMMERC	17,700	49,085 (2,116)	129,688 (5.6)	0.0	6.7	5.7	8.0	18.0	17.6	1.1	0.9	2.5	1.8	12.8	-2.1
	HDB	HDBANK	24,800	31,141 (1,342)	42,936 (1.9)	9.6	7.7	6.8	20.1	20.2	20.1	1.3	1.2	0.4	2.5	8.6	17.0
	STB	SACOMBANK	13,700	24,710 (1,065)	216,317 (9.3)	14.5	15.2	9.6	1.6	6.8	9.0	0.9	0.8	1.9	-0.7	21.2	36.3
	TPB	TIEN PHONG COMME	25,150	20,537 (885)	43,970 (1.9)	0.0	6.8	5.6	29.4	22.4	20.3	1.3	1.0	1.2	6.1	8.6	19.5
EIB	VIETNAM EXPORT-I	17,350	21,331 (920)	5,058 (0.2)	0.1	37.3	35.8	-6.9	3.6	3.6	1.3	1.3	2.1	0.9	1.8	-2.5	
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	48,000	35,631 (1,536)	38,215 (1.6)	20.8	29.2	24.7	2.6	6.3	7.7	1.8	1.7	-1.0	-3.4	-6.4	-30.0
	BMI	BAOMINH INSURANC	28,750	2,626 (113)	11,860 (0.5)	14.5	-	-	-	8.2	9.1	1.1	1.1	0.9	0.5	13.6	15.9
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	18,250	10,967 (473)	109,034 (4.7)	50.3	12.6	10.2	-16.8	9.0	10.6	1.1	1.0	2.8	8.0	18.5	17.3
	VCI	VIET CAPITAL SEC	32,200	5,328 (230)	25,249 (1.1)	71.4	11.5	8.9	-24.9	11.1	13.0	1.2	1.1	2.2	11.8	15.8	9.2
	HCM	HO CHI MINH CITY	22,300	6,802 (293)	66,741 (2.9)	50.7	15.3	9.5	-22.5	11.0	17.1	1.5	1.4	2.3	7.7	14.4	4.4
	VND	VNDIRECT SECURIT	15,200	3,170 (137)	20,699 (0.9)	15.5	13.7	8.6	-19.1	7.4	11.2	1.0	0.9	6.7	10.5	24.1	5.6
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	107,300	224,220 (9,666)	195,072 (8.4)	41.7	21.9	20.4	5.7	37.9	38.6	7.5	6.8	-0.6	0.4	3.0	10.5
	SAB	SAIGON BEER ALCO	184,500	118,316 (5,101)	15,413 (0.7)	36.9	28.5	24.3	0.6	21.6	23.8	5.8	5.2	0.0	-1.9	-4.0	-19.1
	MSN	MASAN GROUP CORP	56,000	65,782 (2,836)	61,367 (2.6)	10.9	74.7	29.2	-57.2	2.2	6.2	1.6	1.8	3.5	2.4	-0.5	-0.9
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,150	13,469 (581)	30,633 (1.3)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	2.1	1.3	0.8	-12.6
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	104,800	54,898 (2,367)	43,884 (1.9)	12.4	-	15.9	-	8.9	21.4	3.4	3.2	-0.1	-0.7	-2.6	-28.3
	GMD	GEMADEPT CORP	25,000	7,423 (320)	15,702 (0.7)	0.0	18.8	16.4	-54.0	6.8	7.5	1.2	1.2	3.3	5.0	11.6	7.3
	CII	HO CHI MINH CITY	19,000	4,538 (196)	28,933 (1.2)	35.6	9.6	8.9	142.2	9.6	9.4	0.9	0.8	0.5	5.3	3.3	-15.6
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	2,200	1,249 (054)	11,800 (0.5)	47.0	-	-	-	-	-	-	-	1.9	-1.8	-0.9	-87.3
	GEX	VIETNAM ELECTRIC	23,800	11,185 (482)	177,044 (7.6)	35.0	29.2	12.5	-20.9	10.5	13.6	-	-	0.4	0.8	-6.7	23.0
	CTD	COTECCONS CONSTR	67,000	5,112 (220)	47,047 (2.0)	2.3	8.1	8.8	-33.3	7.5	7.0	0.6	0.6	-2.5	-3.2	-	30.6
	REE	REE	41,950	13,007 (561)	18,164 (0.8)	0.0	8.5	7.5	-9.9	13.4	14.0	1.1	1.0	4.5	4.1	12.5	15.6

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNDtỷ, USDmn)	GTGD (VNDtriệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiền ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	72,500	138,761 (5,982)	45,108 (1.9)	45.9	18.6	14.5	-18.6	15.5	19.2	2.8	2.6	0.8	0.4	-2.8	-22.6
	NT2	PETROVIETNAM NHO	23,500	6,765 (292)	5,542 (0.2)	30.0	9.7	9.5	-2.8	16.8	17.4	1.6	1.5	1.3	0.0	2.4	8.5
	PPC	PHA LAI THERMAL	23,600	7,566 (326)	5,258 (0.2)	33.0	8.1	8.6	-8.9	15.5	14.5	1.2	1.2	0.0	-1.0	0.4	-12.3
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	27,350	90,618 (3,906)	353,010 (15.2)	15.0	9.6	8.1	4.1	17.9	18.8	1.6	1.4	2.4	3.6	9.6	39.7
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,300	6,770 (292)	58,464 (2.5)	36.7	11.2	12.2	-0.7	8.9	7.9	0.8	0.8	0.3	-1.7	7.8	33.6
	DCM	PETRO CA MAU FER	12,100	6,406 (276)	35,972 (1.6)	46.9	-	-	-	-	-	-	-	3.4	10.5	32.0	86.2
	HSG	HOA SEN GROUP	15,450	6,865 (296)	201,001 (8.7)	38.9	8.2	8.3	45.8	14.4	12.5	1.0	0.9	0.0	-4.0	30.4	107.7
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,450	2,629 (113)	29,381 (1.3)	97.8	5.9	6.7	45.6	13.3	10.5	0.7	0.6	2.5	1.2	-0.8	-2.0
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	50,200	61,184 (2,638)	35,971 (1.6)	3.9	48.8	17.9	-40.0	5.8	15.1	2.5	2.1	-0.8	-2.1	-2.7	-10.4
	PVD	PETROVIETNAM DRI	12,300	5,180 (223)	74,241 (3.2)	37.4	54.1	29.1	-20.4	0.8	0.7	0.4	0.4	6.5	4.7	9.8	-18.3
	PVT	PETROVIET TRANSP	14,600	4,109 (177)	30,320 (1.3)	29.2	9.6	8.4	-18.0	9.2	9.9	0.8	0.7	3.5	7.0	24.3	-13.1
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	104,000	47,079 (2,030)	92,043 (4.0)	0.0	13.0	10.0	9.5	26.7	27.7	3.1	2.5	0.0	1.0	10.5	-8.8
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	61,200	13,778 (594)	37,771 (1.6)	0.0	15.6	13.2	-1.8	21.0	22.7	2.7	2.5	0.3	-1.3	1.0	-28.8
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	47,800	1,410 (061)	500 (0.0)	69.4	20.1	14.6	-28.1	6.7	8.5	1.3	1.2	0.0	-0.9	-5.3	29.2
	FRT	FPT DIGITAL RETA	24,050	1,900 (082)	17,498 (0.8)	13.4	16.1	10.9	-41.1	9.1	12.6	1.3	1.2	-0.2	-1.2	2.8	14.3
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	58,700	7,954 (343)	49,829 (2.2)	36.2	7.5	7.2	29.4	36.8	29.8	2.6	2.3	1.6	1.2	1.2	53.7
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	104,100	13,611 (587)	870 (0.0)	45.2	20.4	18.9	8.0	20.3	19.8	3.8	3.6	-1.7	-1.8	2.0	13.8
	PME	PYMEPHARCO JSC	69,000	5,176 (223)	416 (0.0)	37.9	14.7	-	7.3	16.4	-	2.4	-	0.4	0.6	-0.9	27.1
IT	FPT	FPT CORP	50,500	39,587 (1,707)	79,442 (3.4)	0.0	11.4	9.8	19.9	23.4	24.5	2.4	2.1	0.4	-1.2	1.0	-0.4

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHOẢNG PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOẢN KB VIỆT NAM

Giám đốc Khối Phân Tích – Nguyễn Xuân Bình

binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích Vĩ mô & Chiến lược Thị trường

Giám đốc Kinh tế Vĩ mô & Chiến lược thị trường – Trần Đức Anh

anhdt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Vĩ mô – Thái Thị Việt Trinh

trinhhtt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Chiến lược Thị trường – Lê Anh Tùng

tungla@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội)

Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội) – Dương Đức Hiếu

hieudd@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Công nghệ & Logistics – Nguyễn Anh Tùng

tungna@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Bất động sản – Phạm Hoàng Bảo Nga

ngaphb@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Năng lượng & Vật liệu xây dựng – Lê Thành Công

congtl@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Ngân hàng Tài chính – Nguyễn Thị Thu Huyền

huyenntt@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh)

Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh) – Harrison Kim

harrison.kim@kbf.com

Chuyên viên Phân tích Hàng tiêu dùng & Bán lẻ – Đào Phúc Phương Dung

dungdpp@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Thủy sản & Dược phẩm – Nguyễn Thanh Danh

danhnt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Dầu Khí & Hóa chất – Nguyễn Vinh

vinhn@kbsec.com.vn

Bộ phận Marketing Research

Chuyên viên Marketing Hàn Quốc – Seon Yeong Shin

shin.sy@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin, dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng những thông tin, dữ liệu này là chính xác hoặc đầy đủ. Các quan điểm được trình bày trong báo cáo có thể được thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên đọc lập xem xét các điều kiện, mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư. Chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất đưa thông tin chung, chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.